TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DS-PT
Ngày: 28-4-2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: - Ông Võ Trung Hiếu.

- Ông Mai Văn Hùng Cường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 3 và ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2021/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 332/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Cẩm L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp ABD, xã DHH, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021.

Địa chỉ: Số 634, tổ 34, khu 2, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phan Thị Thu P, sinh năm 1972.

2.2. Ông Phùng Văn C, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp HQ, xã HK, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà P: ông Bùi Quang N, sinh năm 1956. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2021.

Địa chỉ: số 461A, tổ 23, khu 4, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Phạm Trường G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp ABD, xã DHH, huyện C, Tiền Giang.

3.2. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp ABD, xã DHH, huyện C, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phan Thị Thu P.

(Có mặt ông Trung, ông Nhuận, bà P)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm L trình bày:

Bà P và ông C là vợ chồng ngày 10/4/2020 có hỏi vay của chị L số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng trả, lý do vay tiền để mua nhà cho con ở Mỹ Tho, khi vay bà P có làm biên nhận nợ và ký tên.

Ngày 14/5/2020 vợ chồng bà P và ông C tiếp tục vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng trả, lý do vay tiền để mua nhà, xe cho con ở Mỹ Tho, khi vay bà P có làm biên nhận nợ và ký tên. Đồng thời, vợ chồng bà P giao cất giữ bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1585, diện tích 255,8m^2 để đảm bảo cho khoản tiền vay. Đến hạn trả nợ tháng 10/2020 vợ chồng bà P không có tiền trả, vợ chồng bà P xin nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1585, diện tích 255,8m^2 để vay tiền ngân hàng sẽ trả tiền cho chị L, nhưng sau khi lấy lại giấy đất và vay tiền cho đến nay vợ chồng bà P không trả được số tiền nào dù chị L đến nhà đòi nhiều lần.

Do đó, nay chị L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng bà Phan Thị Thu P và ông Phùng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 180.000.000 đồng vốn và lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 10/4/2020 cho đến ngày xét xử và số tiền 400.000.000 đồng vốn và lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 14/5/2020 cho đến ngày xét xử yêu cầu trả vốn và lãi 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chị L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng bà Phan Thị Thu P và ông Phùng Văn C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại chi phí giám định chữ ký và chữ viết với số tiền 10.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Phan Thị Thu P trình bày:*

Bà P cho rằng bà không biết chị Phạm Thị Cẩm L là ai, bà và chồng bà là ông C không có vay mượn tiền của chị L, bà P không thừa nhận chữ ký và chữ

viết của bà trong biên nhận nợ ngày 10/4/2020 và ngày 14/5/2020 với số tiền vay tổng cộng 580.000.000 đồng. Theo bà P xác định vào năm 2019 bà chỉ có vay của anh Phạm Trường G số tiền 180.000.000 đồng, khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích khoảng 2.300m^2, khi vay có làm biên nhận nợ ký tên, nhưng bà P đã trả đủ số tiền này cho anh G, giấy biên nhận thì chưa nhận lại do tin tưởng chỗ con cháu, theo bà P xác định chỉ có vay của anh G số tiền 180.000.000 đồng vào năm 2019 ngoài ra không có vay của anh G số tiền nào khác.

** Ông Bùi Quang N đại diện ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Thu P trình bày:*

Đối với biên nhận nợ ngày 10/4/2020 đối với số tiền 180.000.000 đồng và biên nhận ngày 14/5/2020 đối với số tiền 400.000.000 đồng, ông N đại diện ủy quyền của bà P xác định hai biên nhận nợ này do bà P ký tên, biên nhận này do anh G làm sẵn đưa bà P ký, anh G là người giao số tiền vay này, lúc bà P ký tên không xem lại nội dung biên nhận chỉ xem số tiền đúng ký chứ không biết chị L là ai, theo bà P xác định chỉ vay tiền của anh G chứ không có vay tiền của chị L. Sau khi vay bà P có trả cho anh G số tiền vay trên cụ thể như sau:

Ngày 11/5/2020 đã đưa tiền lãi 18.000.000 đồng và 100.000.000 đồng vốn gốc tại nơi làm việc của anh G (trả đối với biên nhận ngày 10/4/2020) lúc trả không có làm giấy tờ gì, nhưng có chị Nguyễn Hoàng T là người làm chứng đi cùng với bà P chứng kiến, lúc đó anh G trả lại bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P, do còn nợ lại tiền vốn 80.000.000 đồng nên anh G chưa giao giấy biên nhận nợ lại. Cho đến tháng 8/2020 tại quán cà phê Cái Mây có mặt bà P, người làm chứng chị Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Văn T chứng kiến, anh G có nhờ người tên Đ ra quán cà phê để nhận số tiền 80.000.000 đồng vốn và 20.000.000 đồng lãi, nhưng bà P chỉ điện thoại cho anh G nói đã đưa tiền chứ không có làm giấy tờ gì, anh G nói đang có công việc nên tối ghé nhà bà P trả lại biên nhận, nhưng phía anh G không có đưa.

Ngày 17/6/2020 tại quán cà phê Cô N có mặt bà P, anh G, bà P trả đủ số tiền 400.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 14/5/2020) và lãi 26.000.000 đồng đưa trực tiếp cho anh G nhưng không có làm giấy tờ gì, sau khi trả anh G ra ngoài xe lấy biên nhận và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào trả lại, nhưng anh G chỉ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P, còn giấy biên nhận sẽ đưa trả vào ngày hôm sau tại phòng làm việc, nhưng anh G không trả. Như vậy, bà P đã đủ số tiền cho anh G 580.000.000 đồng và tiền lãi nên không còn nợ số tiền nào. Đối với chị L khởi kiện đòi tiền là không đúng bản chất vụ việc.

Khi vay số tiền 580.000.000 đồng thì ông C chồng bà P không biết và không có sử dụng số tiền này, bà P sử dụng số tiền vay này trả nợ cho người khác. Nay bà P không đồng ý trả số tiền 580.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu khởi kiện của chị L và không đồng ý hoàn trả lại chi phí tố tụng giám định chữ ký và chữ viết 10.000.000 đồng theo yêu cầu chị L.

** Bị đơn ông Phùng Văn C trình bày:*

Ông C là chồng của bà P, theo đơn khởi kiện của bà L kiện ông C và bà P liên đới trả số tiền 580.000.000 đồng theo 02 biên nhận nợ ngày 10/4/2020 và ngày 14/5/2020, việc vay tiền này ông C không hay biết là việc làm riêng tư của vợ ông là bà P. Ông C biết được sự việc khi anh Phạm Trường G và anh Nguyễn Thanh S (tên thường gọi là Đ) có đến nhà, ông C mới biết bà P đã trả hết cho anh G rồi.

Nay chị L kiện ông C là không đúng vì ông C không biết chị L là ai và ông C cũng không có bất kỳ giao dịch gì với chị L và anh G nên ông C không đồng ý liên đới cùng với bà P trả số tiền 580.000.000 đồng và lãi cho chị L.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trường G trình bày:*

Anh G là anh ruột của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm L, còn bị đơn bà Phan Thị Thu P là dì, vào ngày 10/4/2020 anh G có ký tên là người làm chứng trong biên nhận mà bà P, ông C vay của chị L 180.000.000 đồng và ngày 14/5/2020 anh G có ký tên là người làm chứng trong biên nhận mà bà P, ông C vay của chị L số tiền 400.000.000 đồng. Theo anh G xác định vợ chồng bà P và ông C có vay của chị L hai lần tiền và có làm biên nhận nợ nêu trên là đúng. Ngoài ra, vợ chồng bà P và ông C có vay của của anh G số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 19/4/2019 bà P có làm biên nhận nợ và ký tên, bà P đã trả xong số tiền này cho anh G, do bận công việc nên anh G có nhờ anh Nguyễn Thanh S (tên thường gọi là Đ) gặp bà P để nhận số tiền này. Cho nên, giữa hai khoản nợ giữa vợ chồng bà P, ông C với chị L; khoản nợ giữa vợ chồng bà P, ông C với anh G đây là khoản nợ riêng biệt không có liên quan gì nhau, anh G xác định vợ chồng bà P, ông C chưa trả số tiền 580.000.000 đồng cho chị L và tiền lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S trình bày:*

Vào buổi chiều khoảng tháng 10/2020 anh S không nhớ rõ, anh G có điện thoại anh S nhờ anh đến quán cà phê Cái Mây, đường Xẻo Mây C gặp bà P nhận dùm anh G số tiền 100.000.000 đồng, sau khi nhận xong số tiền anh S đã giao lại cho anh G, ngoài ra thì anh không biết gì khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2021/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 159, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm L.

Buộc bà Phan Thị Thu P và ông Phùng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị Cẩm L số tiền vay vốn 580.000.000 đồng và lãi 83.332.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 663.332.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thị Thu P và ông Phùng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị Cẩm L chi phí giám định số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, bà Phan Thị Thu P kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bà không có vay tiền của chị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Không đồng ý kháng cáo của chị Phan Thị Thu P, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tuyên.

- Đại diện ủy quyền của bị đơn: Xác định không có vay tiền của chị Lnên không đồng ý trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Thu P, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng qui định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của của Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Thu P yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bà không có vay tiền của chị L là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ:Theo hai biên nhận ngày 10/4/2020 và ngày 14/5/2020 nội dung thể hiện bà P có nhận của chị L tổng cộng số tiền 580.000.000 đồng và bà P có đưa cho chị L tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thửa số 1585, diện tích 255,8m^2 tọa lạc tại ấp HQ, xã HK, huyện C, tỉnh Tiền Giang bà P có ký tên và ghi rõ họ và tên. Bà P đã thừa nhận chữ ký, chữ viết ghi họ tên là của bà nhưng bà khai nại là không có

nhận tiền, không biết chị L là ai là không có cơ sở chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm bị đơn bổ sung chứng cứ là các đoạn ghi âm nhưng không có liên quan gì đến việc vay tiền giữa chị P và chị L mà chỉ có liên quan đến việc vay tiền giữa chị P với anh G nên không có cơ sở xem xét trong vụ án này. Do đó cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Đối với việc chị P cho rằng anh C không biết việc vay mượn này nhưng cấp sơ thẩm buộc anh C liên đới trả nợ là không đúng. Việc này khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã giao bản án cho anh C nhưng anh không kháng cáo xem như anh đã chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm nên chị P không có quyền kháng cáo thay.

[4] Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Chị Phan Thị Thu P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Thu P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 83/2021/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 159, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm L.

- Buộc bà Phan Thị Thu P và ông Phùng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị Cẩm L số tiền vay vốn 580.000.000 đồng và lãi 83.332.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 663.332.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thị Thu P và ông Phùng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị Cẩm L chi phí giám định số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai thu số 0000879 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang nên xem như chị đã thi hành xong phần án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được phát sinh hiệu luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình